TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 27-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Phan Công Trí**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Khưu Liên Dung**.

Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông **Huỳnh Văn Ngộ** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

LÝ Đ (Chúa Đ), sinh năm 1989 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: số 13, khóm Nhà Mát, phường NM, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Khơme; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Đô, sinh năm 1967 và bà Sơn Thị V, sinh năm 1961; có vợ tên Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1990 và 01 con, sinh năm 2016; tiền án: ngày 24/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 06 tháng 27 ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: ngày 26/3/2018, bị Công an thành phố B xử phạt hành chính với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (chưa nộp phạt); nhân thân: ngày 18/12/2013, bị Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng về hành vi Gây rối trật tự công cộng (chấp hành xong ngày 31/7/2015); tạm giữ ngày 05/11/2018; tạm giam: ngày 14/11/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố B (có mặt).

- Bị hại:

1. Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3. Chị **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 2004. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị D – Là mẹ ruột (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: khóm Bờ Tây, phường NM, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Trần Trúc Q**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: số 463/1, khóm Đầu Lộ A, phường NM, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1996. Nơi cư trú: khóm Đầu Lộ A, phường NM, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 31/10/2018, Lý Đ đi về ngang nhà bà Nguyễn Thị D thì thấy mở đèn sáng, những người trong nhà đang ngủ nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Đ đi ra phía sau tháo dây buộc cửa rồi đi vào nhà. Đ thấy trên giường của anh Nguyễn Văn B và em Nguyễn Ngọc H (là con bà D) có để 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 Neo 9, màu vàng, gắn ốp lưng nhựa màu đen hồng của em H; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu đen, gắn ốp lưng bằng nhựa trong của anh B và 01 điện thoại di động hiệu Mobell S50, màu vàng, gắn ốp lưng bằng nhựa trong của bà D nên lấy trộm rồi đem về nhà cất giấu. Khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ kêu cháu Nguyễn Thị N (là con riêng của vợ Đ) đem điện thoại Oppo F7 nhờ bà Trần Thị Yến Nh ở gần nhà đem cầm cố. Bà Nh đồng ý và đem đến tiệm cầm đồ Nguyễn Quỳnh cầm với số tiền 2.300.000 đồng rồi đưa lại cho Đ. Đến ngày 02/11/2018, Đ bán điện thoại Mobell S50 cho bà Trần Thị H với giá 700.000 đồng và bán điện thoại Oppo A37 Neo 9 cho bà Bùi Thị Ngọc L với giá 1.800.000 đồng.

Ngày 04/11/2018, người nhà bà D thấy bà Bùi Thị Ngọc L đang sử dụng điện thoại Oppo A37 Neo 9 bị mất trộm nên trình báo Công an phường NM, thành phố B mời bà L về làm việc, đồng thời tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 Neo 9, màu vàng. Ngày 05/11/2018, Công an phường Nhà Mát tiến hành mời bà Trần Thị H và bà Nguyễn Trần Trúc Q về làm việc và tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Mobell S50, màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu đen. Qua làm việc Lý Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá số: 179 ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định: *"01 điện thoại di động hiệu Oppo A37, Neo 9, màu vàng với giá còn lại là 1.800.000 đồng; 01 ốp lưng bằng nhựa, màu đen hồng với giá còn lại là 40.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7, màu đen với giá còn lại là 6.850.200 đồng; 01 ốp lưng bằng nhựa trong với giá còn lại là 45.000 đồng. 01 điện thoại di động hiệu Mobell S50, màu vàng, với giá còn lại là 1.117.500 đồng và 01 ốp lưng bằng nhựa trong với giá còn lại là 42.000 đồng"*. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.894.700 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSTPBL ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Lý Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lý Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lý Đ từ 09 tháng đến 01 năm tù.

+ Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Buộc bị cáo Lý Đ bồi thường cho chị Nguyễn Trần Trúc Q số tiền 2.300.000 đồng.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Lý Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lý Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi nghe Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu trình bày luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị D và Nguyễn Ngọc H cùng trình bày: tối ngày 30/10/2018, khi đi ngủ có để 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 Neo 9, OPPO F7 và Mobell S50 trên giường, sáng hôm sau thì bị mất. Qua tài khoản zalo và facebook, con ruột của bà Nguyễn Thị D biết được người đang sử dụng điện thoại của Nguyễn Ngọc H đã bị mất nên trình báo Công an làm rõ. Hiện tại, bà D, anh B và chị H đã nhận lại được tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lý Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị cáo là dân tộc Khmer, quá trình sinh sống cùng người Kinh nên bị cáo nghe rõ và hiểu biết tiếng Việt. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không yêu cầu người phiên dịch, đồng thời quá trình xét hỏi tại phiên tòa bị cáo đối đáp lưu loát tiếng Việt những câu hỏi do những người tiến hành tố tụng đưa ra. Do đó, Hội đồng xét xử không yêu cầu người phiên dịch cho bị cáo là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Lý Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại là anh Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Ngọc H về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt; đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/10/2018, bị cáo Lý Đ đã lén lút mở dây buộc cửa vào nhà và lấy trộm 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 Neo 9, OPPO F7 và Mobell S50 với tổng giá trị tài sản là 9.894.700 đồng của anh Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Ngọc H đang để trên giường ngủ. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo đã lần lượt đem 03 chiếc điện thoại đi tiêu thụ.

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lý Đ có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; khi thực hiện hành vi bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm,…"

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản vào năm 2018, chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên được xem là "Tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lý Đ đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F7 bị cáo nhờ người khác cầm cho chị Nguyễn Trần Trúc Q với giá 2.300.000 đồng, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell S50 bị cáo Đ bán cho bà Trần Thị H với giá 700.000 đồng và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 Neo 9 bán cho bà Bùi Thị Ngọc L với giá 1.800.000 đồng. Do chị Q, bà H và bà L không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, nên hành vi của chị Q, bà H và bà L không cấu thành tội phạm.

[7] Về vật chứng: tài sản bị mất trộm đã thu hồi và trao trả cho các bị hại xong.

[8] Về trách nhiệm dân sự: các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nào khác. Bà Trần Thị H và bà Bùi Thị Ngọc L không yêu cầu bị cáo bồi thường. Cho nên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Trần Trúc Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.300.000 đồng mà chị đã nhận cầm tài sản. Xét yêu cầu bồi thường của chị Q là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[9] Về án phí: Từ năm 2019, bị cáo Lý Đ không còn thuộc diện hộ cận nghèo nên phải nộp án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[11] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo theo quy định tại khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lý Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lý Đ 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ 05/11/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Buộc bị cáo Lý Đ bồi thường cho chị Nguyễn Trần Trúc Q số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Lý Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Phan Công Trí

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. B;
- Nhà tạm giữ Công an Tp. B;
- Công an Tp.B;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Tp.B;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu HSVA.